TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 6 -2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Trần Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Bà Thiều Thị Phi Loan

- T ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn – T ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Bà Trần Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 466/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 230/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Trần Thị Thu T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 24, tổ 29, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Duy T1**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 483 khu phố 4, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Trần Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Duy T1 quen biết và tìm hiểu lập gia đình với nhau vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống

vợ chồng sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc. Tuy nhiên, từ đầu năm 2020 cho đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và lối sống, cả hai không tìm thấy điểm chung trong cách sống, trong suy nghĩ và hành xử của nhau. Chị xác định tình cảm của chị dành cho anh T1 không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Có 01 chung là Nguyễn Kỳ T, sinh ngày 01/10/2016. Nếu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T1 thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Tạm thời không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Duy T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh T1 phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T; giao con chung là cháu Nguyễn Kỳ T, sinh ngày 01/10/2016 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm thời anh T1 không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung chị T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án**: Chị Trần Thị Thu T khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Nguyễn Duy T1 hiện đang trú tại: Số 483 khu phố 4, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] **Về thủ tục tố tụng**: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T1 đầy đủ, tuy nhiên anh T1 vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của

Bộ luật Tố tụng dân sự, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3 **Về quan hệ hôn nhân**: Chị T, anh T1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo xác minh tại địa phương, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 có xảy ra hay không thì địa phương không nắm được vì chị T và anh T1 không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập anh T1 đến Toà để làm việc, dự phiên họp về tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hai anh chị có điều kiện gặp gỡ thỏa thuận, đoàn tụ nhưng anh T1 không đến. Điều này chứng tỏ chị T và anh T1 không còn yêu Tơng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, chị T và anh T1 hiện nay đã sống ly thân. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T1.

[3] **Về con chung**: Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Kỳ T, sinh ngày 01/10/2016. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tạm thời chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 không đến Tòa án làm việc cũng không có bản tường trình về yêu cầu giải quyết con chung. Do đó, giao cháu T cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung**: Theo chị T trình bày tài sản chung, nợ chung không có. Tuy nhiên, do anh T1 vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do vậy, cần tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[5] **Về án phí**: Chị Trần Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Tòng vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của nguyên đơn chị Trần Thị Thu T. Chị Trần Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Duy T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kỳ T, sinh ngày 01/10/2016 cho chị Trần Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của anh Nguyễn Duy T1.

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thu T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006553 ngày 02/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Chị T đã nộp xong án phí.

5. Chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Duy T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Thi hành án DS thành phố Biên Hòa;
- UBND phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (số ĐKKH 62 ngày 24/6/2015);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa**

Trần Thị Hải